

## 50 NĂM QUAN HỆ VIỆT NAM - NHẬT BẢN (1973 - 2023)

HỒ VIỆT HẠNH\*  
LỚP BJS2020\*\*

**Tóm tắt:** Quan hệ Việt Nam Nhật Bản được Chủ tịch nước Võ Văn Thưởng khẳng định là mối quan hệ đối tác Chiến lược toàn diện vì hòa bình và thịnh vượng tại châu Á và trên thế giới. 50 năm qua, cả hai nước đã có rất nhiều nỗ lực cho việc xây dựng mối quan hệ hữu nghị, bền chặt cả về mặt chính trị, văn hoá, kinh tế. Bài viết tổng hợp, phân tích từng góc độ: chính trị, kinh tế, văn hoá qua từng giai đoạn lịch sử để làm rõ hơn về sự phát triển bền chặt mối quan hệ Việt Nam - Nhật Bản.

**Từ khoá:** Việt Nam; Nhật Bản; quan hệ Việt Nam - Nhật Bản.

**Abstract:** The Vietnam - Japan relationship was affirmed by President Vo Van Thuong as a comprehensive strategic partnership for peace and prosperity in Asia and the world. Over the past 50 years both countries have made a lot of efforts to build a strong, friendly relationship in terms of politics, culture and economics. The article synthesizes and analyzes each angle: political, economic and cultural through each historical period to clarify the sustainable development of the Vietnam - Japan relationship.

**Keywords:** Vietnam; Japan; The Vietnam - Japan relationship.

Ngày nhận bài: 02/10/2023; Ngày sửa bài: 12/11/2023; Ngày duyệt đăng bài: 27/12/2023.

### Dẫn nhập

Nhìn nhận chuẩn xác cơ sở hình thành nên mối quan hệ luôn giữ vai trò quan trọng góp phần thấu hiểu sự vận động tiếp theo của quan hệ đó. Chính vì vậy, trước khi đi vào xem xét cụ thể mối quan hệ Việt Nam - Nhật Bản trong 50 năm qua trên các lĩnh vực, ở phần khởi đầu của bài viết, các tác giả ngược lại quá khứ truy tìm những yếu tố chủ yếu dẫn đến việc bình thường hóa quan hệ Việt Nam - Nhật Bản vào năm 1973.

*Thứ nhất*, yếu tố quan trọng nhất chi phối các yếu tố khác đó là mặc dù cả hai bên đều bị ảnh hưởng của hệ tư tưởng cũng như sức ép của các cường quốc nhưng cả hai bên đều nhận thức và hành động trên cơ sở của lợi ích quốc gia cho dù mức độ tự giác không phải là như nhau. Về cơ bản, Nhật Bản tiếp cận Việt Nam là một

quốc gia duy nhất vì vậy luôn duy trì quan hệ nhất định với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngay cả trước khi đặt quan hệ chính thức cho dù vẫn đứng về phía Mỹ và ủng hộ cho chính phủ Cộng hòa Việt Nam. Đối với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, do tính đặc thù ngay từ khi giành lại chính quyền từ tay thực dân nên luôn tìm kiếm sự ủng hộ, hỗ trợ, giúp đỡ của các lực lượng trên thế giới.

*Thứ hai*, đối với Nhật bản, một nước nghèo tài nguyên, lại là nước bại trận sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai nên muốn phát triển về kinh tế thì tài nguyên thiên nhiên và thị trường luôn là điều tối quan trọng nên Việt Nam với tư cách là một quốc gia Đông Nam Á là một lựa chọn tốt. Ban đầu là lợi ích về kinh tế cũng đồng thời kéo theo lợi ích chính trị sẽ được phát triển trên nền tảng quan hệ văn hóa.

\* PGS.TS., Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam; Email: hanhejs@yahoo.com

\*\* Trường Đại học Việt Nhật.

*Thứ ba*, đối với Việt Nam, quan hệ với Nhật Bản lợi ích chính trị được ưu tiên, sau đó là các lợi ích kinh tế, như là cụ thể hóa và quan hệ văn hóa củng cố cho sự vững chắc cho mối quan hệ.

Nhận thức cơ sở hình thành nên mối quan hệ Việt Nam - Nhật Bản như là điểm xuất phát của quá trình 50 năm qua, bài viết nhỏ này mong muốn cung cấp những điểm nhấn của mối quan hệ đó trên ba khía cạnh chính trị, kinh tế và văn hóa.

## 1. Quan hệ trên lĩnh vực chính trị

### 1.1. Giai đoạn 1973 - 1992

Với thiện chí của cả hai bên Việt Nam và Nhật Bản xây dựng trên cơ sở đồng thuận về lợi ích quốc gia cơ bản nên giai đoạn này cho thấy những bước chuẩn bị tốt cho quan hệ phát triển mạnh vào giai đoạn sau. Điều này có thể thấy qua mấy khía cạnh lớn sau:

*Thứ nhất*, với những nhìn nhận lợi ích của Nhật Bản trong quan hệ với khu vực trong đó có Việt Nam, năm 1977, Thủ tướng Nhật Bản, Takeo Fukuda, công bố Học thuyết Fukuda, chính thức khẳng định tầm nhìn và đường lối đối ngoại đối với các nước Đông Nam Á. Việt Nam được đánh giá là quốc gia có ảnh hưởng lớn trong việc thực hiện các mục tiêu của Nhật Bản<sup>1</sup>;

*Thứ hai*, cùng với các quan hệ phức tạp giữa hai hệ thống, sự tính toán của các nước lớn thì sự giúp đỡ thiện chí của Việt Nam cho nhân dân Campuchia thoát khỏi nạn diệt chủng đã trở thành chướng ngại, cản trở mối quan hệ giữa hai nước. Song, Đại sứ quán ở hai nước vẫn tiếp tục hoạt động, một số chuyến thăm giữa các quan chức cấp cao vẫn được diễn ra, trong giai đoạn này quan hệ song phương chưa thực sự có nhiều đột phá đáng kể;

*Thứ ba*, từ giữa những năm 80 của thế kỷ XX, chính sách đối ngoại của Việt Nam

cũng có một lãng kính mới với chủ trương “đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ” đề ra ở Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam. Với những nỗ lực của Việt Nam và các nước, Hội nghị Hoà bình Paris về vấn đề Campuchia đã chính thức khai mạc vào tháng 1 năm 1990. Tại đây, Nhật Bản cũng có nhiều đóng góp trong việc tháo gỡ những nút thắt trong việc đàm phán và đã góp phần đưa tới thành công của Hội nghị<sup>2</sup>. Đây cũng là tiền đề quan trọng giúp Việt Nam và Nhật Bản nối lại và thúc đẩy quan hệ song phương một cách nhanh chóng.

### 1.2. Giai đoạn 1993 - 2000

Giai đoạn này, mối quan hệ giữa Việt Nam và Nhật Bản đã phát triển qua nhiều bước quan trọng, đánh dấu sự hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau giữa hai quốc gia. Chúng ta có thể thấy quan hệ tốt đẹp giữa hai nước trên khía cạnh chính trị thông qua các chuyến viếng thăm lẫn nhau của các nhà lãnh đạo cao nhất.

Năm 1993, quan hệ ngoại giao đầy đủ giữa Việt Nam và Nhật Bản chính thức được thiết lập. Điều này đánh dấu bước quan trọng trong mối quan hệ, mở ra những triển vọng mới cho sự hợp tác giữa hai bên. Trong năm đó, Thủ tướng Võ Văn Kiệt thực hiện chuyến thăm chính thức đến Nhật Bản, làm tăng thêm sự chặt chẽ và tích cực trong giao tiếp giữa các quan chức cấp cao của hai nước.

Năm 1994, Thủ tướng Nhật Bản Murayama thực hiện chuyến thăm chính thức đầu tiên đến Việt Nam. Đây là sự kiện lịch sử khi một Thủ tướng Nhật Bản thăm Việt Nam, đồng thời củng cố chặt chẽ thêm mối quan hệ đối tác giữa hai quốc gia. Thủ tướng Murayama không chỉ cam kết hỗ trợ mà còn đề xuất những biện pháp cụ thể để thúc đẩy hợp tác kinh tế và phát triển.

<sup>1</sup> Andrea Pressello, p.49.

<sup>2</sup> St John, “Japan’s Moment in Indochina”, p.675.



Năm 1995, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Đỗ Mười thăm chính thức Nhật Bản. Đây là chuyến thăm đầu tiên của một Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam đến Nhật Bản, đánh dấu bước tiến lớn trong mối quan hệ đối tác chiến lược giữa hai quốc gia. Trong cuộc thảo luận với Thủ tướng Hashimoto, Tổng Bí thư Đỗ Mười đã đề xuất những biện pháp cụ thể để thúc đẩy hợp tác kinh tế và đạt được những cam kết tích cực từ phía Nhật Bản.

Năm 1996, 1997, Thủ tướng Hashimoto đến Việt Nam, ông khẳng định vị trí của Việt Nam và mở ra cơ hội mới trong hợp tác song phương.

Năm 1998, thủ tướng Obuchi tiếp tục thăm hữu nghị chính thức Việt Nam, tăng kim ngạch viện trợ và đồng ý với việc Việt Nam tham gia vào quỹ Nhật Bản để hỗ trợ các nước trong khu vực đối mặt với khủng hoảng tài chính.

### 1.3. Giai đoạn 2001- 2014

Nhìn chung, quan hệ hai nước trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao giai đoạn này có diễn biến tốt hơn những giai đoạn trước, phát triển trên cả bình diện song phương và đa phương. Trong vòng 13 năm (2001-2014), với hơn 20 chuyến thăm cấp cao và hàng chục chuyến thăm, làm việc giữa lãnh đạo các Bộ ngành và địa phương qua lại giữa hai nước, thể hiện tầm quan trọng chiến lược của Việt Nam và Nhật Bản trong thế kỷ XXI. Nhiều chuyến thăm đánh dấu kết quả hợp tác và dấu mốc lịch sử quan trọng.

Về phía Nhật Bản, chuyến thăm chính thức Việt Nam của Thủ tướng Koizumi Junichiro (tháng 4/2002) với thành quả quan trọng là tuyên bố chung thiết lập quan hệ “Đối tác tin cậy, ổn định lâu dài”, mở ra cơ hội và là cơ sở chính trị quan trọng thúc đẩy quan hệ hợp tác, giao lưu của người dân hai nước. Chuyến thăm chính thức Việt Nam sau nhậm chức của Thủ tướng Shinzo Abe (tháng 1/2013) khẳng định vị

thế quan trọng của Việt Nam trong chính sách đối ngoại.

Về phía Việt Nam, chuyến thăm và làm việc chính thức tại Nhật Bản của Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết (tháng 11/2007) và của Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh (tháng 4/2009) với thành quả là việc ký kết Tuyên bố chung nâng cấp và thiết lập quan hệ “Đối tác chiến lược”, một nấc thang phát triển mới trong quan hệ đối tác sâu rộng. Chuyến thăm của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang (tháng 3/2014) đã nâng cấp mối quan hệ lên thành “Đối tác chiến lược sâu rộng”, tạo cơ sở chính trị và tiền đề quan trọng để cả hai nước tiến tới hợp tác ở cấp độ cao hơn nữa.

Ngoài ra, trong số các Tuyên bố chung, sự kiện năm 2002, 2009 và 2014 đều nổi bật như những cột mốc quan trọng trong mối quan hệ giữa Nhật Bản và Việt Nam. Tuyên bố năm 2002 đánh dấu sự khởi đầu của một giai đoạn mới trong quan hệ hai nước trong thế kỷ mới. Trong khi đó, tuyên bố năm 2009 và 2014 được coi là những điểm quan trọng, đồng thời chứng tỏ sự phát triển toàn diện, sâu rộng và có ý nghĩa thực tế hơn. Tuyên bố chung năm 2009, dựa trên việc đánh giá những thành tựu đạt được, thể hiện sự hài lòng trước sự phát triển tích cực của mối quan hệ trong những năm gần đây. Cả hai nước đã đồng thuận cam kết hợp tác chặt chẽ trong các vấn đề quan hệ song phương cũng như trong các vấn đề liên quan đến khu vực châu Á và cộng đồng quốc tế, dựa trên niềm tin và lợi ích chung, với mục tiêu đảm bảo hòa bình, ổn định, hợp tác và phồn vinh ở khu vực châu Á. Tuyên bố chung năm 2014 tiếp tục chặt chẽ cam kết, đưa mối quan hệ lên một tầm cao mới: “Đối tác chiến lược sâu rộng vì Hòa Bình và Phồn Vinh ở Châu Á”. Bước tiến này không chỉ là một sự củng cố mà còn là sự thể hiện rõ ràng của cam kết chung trong việc phát triển và duy trì

mối quan hệ hợp tác của hai quốc gia. Đây là dấu hiệu cho thấy cả hai nước đã có cái nhìn sâu sắc về tình hình quan hệ Nhật - Việt, với nhận thức đặc biệt về lợi ích quốc gia và các yếu tố mới xuất hiện, yêu cầu sự thúc đẩy để tạo đà cho sự phát triển mới trong mối quan hệ hai nước.

#### 1.4. Giai đoạn 2015 - 2023

Tình hình chính trị - ngoại giao giữa Việt Nam và Nhật Bản hiện nay được đánh giá là đang trong giai đoạn phát triển tốt đẹp nhất trong lịch sử. Trong những năm qua, mối quan hệ giữa Việt Nam và Nhật Bản đã được củng cố và phát triển trên nhiều lĩnh vực khác nhau, đặc biệt là về chính trị - ngoại giao. Hai nước luôn thường xuyên duy trì các chuyến thăm cấp cao, trao đổi đoàn đại biểu các cấp và ký kết nhiều thỏa thuận hợp tác quan trọng. Cùng với đó, hai nước cũng phối hợp chặt chẽ trong các vấn đề khu vực và quốc tế, đặc biệt là trong khuôn khổ ASEAN, Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế khác. Trên hết, hai nước cũng có quan điểm chung về các vấn đề quan trọng như duy trì hòa bình, an ninh, ổn định, hợp tác phát triển ở khu vực và thế giới. Chính từ những điểm chung này đã tạo nên một mối quan hệ mật thiết, ngày một phát triển giữa Việt Nam và Nhật Bản. Mối quan hệ ổn định, hòa bình và phát triển ở khu vực và thế giới giữa Việt Nam - Nhật Bản luôn được thể hiện rất rõ ràng qua các chuyến thăm của quan chức hai nước.

Năm 2016, Thủ tướng Việt Nam Nguyễn Xuân Phúc thăm Nhật Bản, thảo luận về hợp tác kinh tế và quốc phòng, ký kết Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện Việt Nam - Nhật Bản.

Năm 2018, Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe thăm Việt Nam, nhất trí phát triển bền vững quan hệ, hỗ trợ nhau trên trường

quốc tế và trong giải quyết tranh chấp Biển Hoa Đông.

Năm 2020, Thủ tướng Nhật Bản Suga Yoshihide thăm Việt Nam, thúc đẩy hợp tác đa dạng trong lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư và an ninh.

Năm 2022, Thủ tướng Nhật Bản Fumio Kishida thăm Việt Nam, nhất trí nâng cấp quan hệ lên “Đối tác chiến lược toàn diện”. Thủ tướng Suga Yoshihide và đoàn quan chức cấp cao Nhật Bản đã có bài diễn thuyết trước cán bộ, giảng viên, học viên và sinh viên về chính sách ngoại giao quan trọng với chủ đề “Nhật Bản và ASEAN - Cùng xây dựng tương lai của Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương”. Trong đó, Thủ tướng Nhật Bản Suga khẳng định: ASEAN và Nhật Bản là đối tác bình đẳng và cũng là những người bạn, cùng hướng đến phát triển và hỗ trợ lẫn nhau. Nhất trí tiếp tục tăng cường sự tin cậy chính trị thông qua việc duy trì các chuyến thăm và tiếp xúc cấp cao, tăng cường hiệu quả các cơ chế đối thoại; tăng cường quan hệ giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Dân chủ Tự do Nhật Bản cũng như giữa Chính phủ và Quốc hội hai nước. Việt Nam - Nhật Bản cũng nhất trí cùng nhau phối hợp chặt chẽ đưa quan hệ hai nước lên tầm cao mới, đưa hợp tác trên các lĩnh vực đi vào chiều sâu, phát huy những thế mạnh bổ sung cho nhau giữa hai nước, quan tâm thúc đẩy triển khai những dự án lớn, cụ thể, đồng thời hợp tác chặt chẽ, cùng đóng góp tích cực vào hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực và quốc tế.

## 2. Quan hệ trên lĩnh vực kinh tế

### 2.1. Giai đoạn 1973 - 1992

#### Thứ nhất, về thương mại

Kim ngạch thương mại giữa hai nước tăng trưởng nhanh chóng trong thời kỳ này, từ 50 triệu USD năm 1979 lên 1,3 tỷ USD



năm 1992, đạt mức tăng trưởng bình quân hàng năm là 35%<sup>3</sup>. Trong những năm này, cán cân thương mại ngày càng có lợi cho Việt Nam, nhưng chủ yếu là do xuất khẩu dầu thô, chiếm tỷ trọng khoảng 60% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Nhật Bản. Nhập khẩu của Việt Nam từ Nhật Bản cũng tăng trưởng nhanh chóng, từ 13,5 triệu USD năm 1986 lên đến 900 triệu USD năm 1993, chiếm khoảng 40% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Nhật Bản, chủ yếu là máy móc, thiết bị trong sản xuất<sup>4</sup>.

### *Thứ hai, về viện trợ phát triển chính thức (ODA) Nhật Bản*

Sau khi thiết lập quan hệ ngoại giao vào năm 1973, Nhật Bản bắt đầu cung cấp Hỗ trợ Phát triển Chính thức (ODA) cho Việt Nam dưới dạng “bồi thường chiến tranh”. Quan hệ song phương sớm bị gián đoạn khi Nhật Bản cùng các nước phương Tây trừng phạt Việt Nam sau sự can thiệp quân sự của Hà Nội vào Campuchia từ năm 1979 đến năm 1991<sup>5</sup>. Tuy nhiên, Nhật Bản đã nhanh chóng trở thành đối tác kinh tế quan trọng của Việt Nam và là quốc gia đầu tiên tuyên bố nối lại viện trợ ODA cho Việt Nam vào năm 1992, khi Mỹ còn chưa quyết định dỡ bỏ lệnh cấm vận đối với Việt Nam. Kể từ đây, mối quan hệ giữa hai nước gần như không còn trở ngại gì và được đẩy mạnh hơn bao giờ hết. Với mức đầu tư 281,24 triệu USD vào năm 1992, Nhật Bản trở thành nước đứng đầu trong số các nước cung cấp ODA cho Việt Nam, và Việt Nam là nước đứng

thứ sáu trong số các nước nhận viện trợ ODA của Nhật Bản, trong đó 5,43 triệu USD là viện trợ không hoàn lại và 275,81 triệu USD là tài trợ tín dụng. Ngoài ra, Nhật Bản còn hợp tác với các nhà tài trợ như Ngân hàng Thế giới để cho vay hỗ trợ ngân sách phục vụ kế hoạch giảm nghèo<sup>6</sup>.

### *Thứ ba, về hợp tác đầu tư*

Trong giai đoạn 1973 - 1985, do còn nhiều hạn chế trong quan hệ giữa hai nước thời kỳ này, mức đầu tư FDI Nhật Bản vào Việt Nam rất hạn hẹp, chủ yếu tập trung vào lĩnh vực khai thác khoáng sản, đặc biệt là dầu thô<sup>7</sup>. Sau khi ký kết Hiệp định Hòa bình Paris về Campuchia, Nhật Bản nhanh chóng trở thành đối tác kinh tế quan trọng của Việt Nam.

## *2.2. Giai đoạn 1993-2000*

### *Thứ nhất, về thương mại*

Quan hệ thương mại Việt Nam - Nhật Bản liên tục phát triển trong giai đoạn này. Nếu như năm 1992 kim ngạch của hai bên chỉ là trên 1 tỷ USD thì đến năm 2000 con số này đã là gần 5 tỷ USD. Không những tăng về kim ngạch mà điểm sáng của quan hệ này còn là cán cân thương mại tương đối cân bằng giữa hai phía.

### *Thứ hai, về viện trợ phát triển chính thức (ODA) Nhật Bản*

Trong thập kỷ quan trọng này, nhiều dự án được thực hiện nhờ vào ODA của Nhật Bản. Một số tiêu biểu như: Dự án Mạng viễn thông Nông thôn Miền Trung Việt

<sup>3</sup> Nguyễn Quốc Hùng (2003), “Quan Hệ Việt Nam - Nhật Bản Trong Bối Cảnh Quốc Tế Sau Chiến Tranh Lạnh”, Tạp chí Khoa Học ĐHQGHN, KHXH & NV XIX, No. 4.2003.

<sup>4</sup> Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (2013), “Quan Hệ Đối Tác Việt Nam - Nhật Bản Từ Quá Khứ Đến Tương Lai” [https://www.jica.go.jp/Resource/vietnam/office/others/pamphlet/ku57pq0000221kma-att/Japan\\_Vietnam\\_Partnership\\_To\\_Date\\_and\\_From\\_Now\\_On\\_vie.pdf](https://www.jica.go.jp/Resource/vietnam/office/others/pamphlet/ku57pq0000221kma-att/Japan_Vietnam_Partnership_To_Date_and_From_Now_On_vie.pdf).

<sup>5</sup> Do and Dinh, “Vietnam-Japan Relations: Moving beyond Economic Cooperation?”

<sup>6</sup> Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản,

[https://www.jica.go.jp/Resource/Vietnam/Office/Others/Pdf/pamph\\_JICA\\_v02.Pdf](https://www.jica.go.jp/Resource/Vietnam/Office/Others/Pdf/pamph_JICA_v02.Pdf),” n.d.,

[https://www.jica.go.jp/Resource/vietnam/office/others/pdf/pamph\\_JICA\\_v02.pdf](https://www.jica.go.jp/Resource/vietnam/office/others/pdf/pamph_JICA_v02.pdf).

<sup>7</sup> Nguyễn Quốc Hùng (2003), “Quan Hệ Việt Nam - Nhật Bản Trong Bối Cảnh Quốc Tế Sau Chiến Tranh Lạnh”, Tạp chí Khoa Học ĐHQGHN, KHXH & NV XIX, No. 4.2003.

Nam, dự án đã đóng góp quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực; dự án xây dựng đường hầm Hải Vân. Dự án đã giải quyết những khó khăn và nguy hiểm giao thông trên tuyến Quốc lộ 1A đoạn qua đèo Hải Vân; dự án hoàn thiện Đường vành đai 3 và nối cầu Thanh Trì với quốc lộ 1 và quốc lộ 5. Các dự án sử dụng nguồn viện trợ ODA của Nhật Bản luôn có hiệu quả thiết thực cho sự phát triển của Việt Nam trong giai đoạn này chúng là những cột mốc quan trọng trong sự phát triển quan hệ giữa Việt Nam với Nhật Bản.

### *Thứ ba, về hợp tác đầu tư*

Trong giai đoạn từ 1993 đến 2000, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của Nhật Bản vào Việt Nam tăng mạnh, đóng góp quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.

### *2.3. Giai đoạn 2001 - 2014*

#### *Thứ nhất, về thương mại*

Kể từ sau khi thiết lập quan hệ “Đối tác tin cậy, ổn định lâu dài” cùng nhiều hiệp định thương mại được ký kết đã đẩy nhanh trao đổi hợp tác giao thương Việt Nhật. Trong đó, Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA) được ký kết ngày 25/12/2008 cùng với Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Nhật Bản - ASEAN, tạo khuôn khổ pháp lý thuận lợi cho việc phát triển quan hệ thương mại giữa hai nước và mở ra cơ hội thúc đẩy hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản. Những hiệp định này cũng khuyến khích Việt Nam nâng cao chất lượng và cơ cấu hàng hóa xuất khẩu, tận dụng lợi ích của Hiệp định để thiết lập sự hiện diện ổn định, lâu dài tại thị trường Nhật Bản, đồng thời góp phần vào sự tăng trưởng và phát triển của cả hai nền kinh tế.

Cụ thể, kim ngạch thương mại liên tục tăng, từ khoảng 4.940 triệu USD vào năm 2002 lên đến 16.700 triệu USD vào năm 2008, vượt qua mục tiêu 15.000 triệu USD đặt ra cho năm 2010<sup>8</sup>. Sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (2008-2009), thương mại hai chiều phục hồi nhanh chóng, đạt hơn 21.492 triệu USD<sup>9</sup> vào năm 2011 và tăng lên gần 38.000 triệu USD vào năm 2018<sup>10</sup>. Lý giải cho sự gia tăng nhanh chóng này, bên cạnh vai trò của các cam kết và hiệp định thương mại tự do đa phương, cần xem xét đến tình hình cung cầu hàng hóa của hai quốc gia. Từ sau khủng hoảng kinh tế và sự cố nhà máy điện hạt nhân năm 2011, Nhật Bản có nhu cầu nhập khẩu một lượng lớn năng lượng, mà mặt hàng này lại là thế mạnh xuất khẩu của Việt Nam. Không những vậy, nền kinh tế đang trong đà phục hồi cùng chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã giúp Việt Nam luôn được các nhà đầu tư Nhật Bản đánh giá là một thị trường tiềm năng. Từ những điều trên, có thể thấy, Nhật Bản đã trở thành một trong những đối tác thương mại lớn và quan trọng hàng đầu của Việt Nam trong giai đoạn này.

#### *Thứ hai, về viện trợ phát triển chính thức (ODA)*

Từ năm 2001 đến 2014, Nhật Bản tiếp tục giữ vị thế là nguồn tài trợ và viện trợ ODA hàng đầu cho Việt Nam qua các hình thức như vốn vay, viện trợ không hoàn lại và hợp tác kỹ thuật. Nhật Bản đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ phát triển của Việt Nam, chiếm hơn 80% tổng số vốn vay ODA của nước ta, và là nhà tài trợ hàng đầu, chia sẻ vị thế này với Pháp, Hàn Quốc, và Đức<sup>11</sup>. Từ năm 2001, mặc dù Nhật Bản

<sup>8</sup> Tổng cục Thống kê (2011), *Niên Giám Thống kê 2010*, Nxb. Thống kê.

<sup>9</sup> Tổng cục Thống kê (2012), *Tình Hình Kinh tế - xã hội 12 tháng năm 2011*.

<sup>10</sup> Tổng cục Thống kê (2019), *Niên Giám Thống kê 2018*, Nxb. Thống kê.

<sup>11</sup> Ministry of Foreign Affairs of Japan (2016), “*Country Assistance Evaluation of Vietnam*”, <https://www.mofa.go.jp/policy/oda/evaluation/FY2015/pdfs/vietnam.pdf>.



cắt giảm 10% ngân sách ODA nhưng vẫn giữ và tăng kim ngạch cho Việt Nam. Ngày 2/6/2004, Nhật Bản đã công bố chính sách viện trợ ODA mới cho Việt Nam với 3 mục tiêu chính: Thúc đẩy tăng trưởng, cải thiện đời sống - xã hội, hoàn thiện cơ cấu. Từ 2002 đến 2008, tổng số vốn Nhật Bản viện trợ hoặc cho Việt Nam vay thông qua JICA luôn duy trì ở mức trên 100.000 triệu yên mỗi năm. Nhìn chung có thể thấy quan hệ đối tác kinh tế Việt - Nhật trong thời gian này rất tốt đẹp Tuy có một khoảng chững lại vào năm 2008 liên quan đến vụ án vốn ODA - vụ án PCI nhưng Nhật Bản chính thức nối lại vốn ODA cho Việt Nam từ tháng 2 năm 2009 với 4 dự án kết cấu hạ tầng với tổng trị giá lên đến 83,2 tỉ yên (tương đương 900 triệu USD)<sup>12</sup>. Đặc biệt, thông qua chuyến thăm Việt Nam vào đầu năm 2013 của Thủ tướng Shinzo Abe, tổng số vốn ODA giải ngân và Nhật Bản cam kết sẽ viện trợ cho Việt Nam tăng lên đến 321.691 triệu yên. Có thể nói, nhờ có nguồn vốn ODA của Nhật Bản Việt Nam đã thực hiện được nhiều dự án với quy mô khác nhau, góp phần đáng kể cho quá trình phát triển đất nước.

### *Thứ ba, về hợp tác đầu tư*

Trong giai đoạn này, đầu tư trực tiếp từ Nhật bản vào Việt Nam có những biến động đáng kể. Sau giai đoạn khủng hoảng tài chính, đến năm 2001, FDI của Nhật Bản bắt đầu có dấu hiệu phục hồi, nhưng chỉ tập trung vào các ngành sản xuất có quy mô nhỏ. Tuy nhiên đến năm 2002 - 2003, nguồn FDI của Nhật Bản liên tục giảm xuống mức 100 triệu USD (giảm 38,5% so với năm 2001)<sup>13</sup>, đứng vị trí thứ 7 xét theo khối lượng đầu tư.

Trong bối cảnh đó, kế hoạch hành động Sáng kiến chung Nhật - Việt, Hiệp định Đầu tư Nhật - Việt,... và các ban hành, sửa đổi về luật pháp Việt Nam đã tạo những cơ sở chính trị và khung pháp lý ổn định cho việc tiếp nhận nguồn vốn FDI. Năm 2002, chỉ có 48 dự án với tổng vốn 102 triệu USD, nhưng vào năm 2008, số dự án tăng lên 105 với tổng vốn đăng ký gần 7.300 triệu USD. Tính đến năm 2009, Nhật Bản đã đầu tư vào Việt Nam 1.247 dự án, với tổng số vốn đăng ký đạt 17.149,6 triệu USD, chiếm gần 10% tổng số dự án mới<sup>14</sup>. Con số này đã tăng lên 25% vào năm 2012, đánh dấu mức đầu tư từ cao nhất, tập trung vào lĩnh vực công nghệ chế biến và chế tạo, là các lĩnh vực mà doanh nghiệp Nhật có thế mạnh, đồng thời phù hợp với định hướng phát triển của Việt Nam<sup>15</sup>. Quy mô đầu tư của các doanh nghiệp Nhật Bản đa dạng và ngày càng mở rộng, đã giải quyết có hiệu quả vấn đề việc làm cho người lao động. Một trường hợp có thể kể đến đó là sự phát triển của khu công nghiệp Thăng Long đã tạo ra việc làm cho khoảng 60.000 công nhân Việt Nam (số liệu tháng 8/2012). Ngoài ra, FDI của Nhật Bản cũng có đóng góp không nhỏ vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của Việt Nam.

### *2.3. Giai đoạn 2015 - 2023*

#### *Thứ nhất, về quan hệ thương mại*

Trao đổi thương mại giữa Việt Nam và Nhật Bản thời gian này tương đối cân bằng, bền vững và tăng trưởng ổn định. Việt Nam xuất khẩu sang Nhật Bản và nhập khẩu từ Nhật Bản đều tăng xấp xỉ 10 tỷ USD trong thời gian này. Kim ngạch thương mại song phương năm 2022 đạt gần 50 tỷ USD,

<sup>12</sup> Trần Anh Phương (2009), “Nhật Bản - Nước Tài Trợ ODA Hàng Đầu Cho Việt Nam”, Tạp chí *Cộng sản*, <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/nghien-cu/-/2018/124/nhat-ban---nuoc-tai-tro-oda-hang-dau-cho-viet-nam.aspx>.

<sup>13</sup> JETRO (2009), “White Paper on Foreign Direct Investment”.

<sup>14</sup> Tổng cục Thống kê (2010), *Niên Giám Thống Kê 2009*, Nxb. Thống kê.

<sup>15</sup> Vũ Văn Hà (2013), “Đầu tư trực tiếp của Nhật Bản vào Việt Nam sau khủng hoảng Tài chính toàn cầu”, Tạp chí *Cộng sản*, <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/hoat-ong-cua-lanh-ao-ang-nha-nuoc/-/2018/23664/dau-tu-truc-tiep-cua-nhat-ban-va-viet-nam-sau-khung-hoang-tai-chinh-toan-cau.aspx>.

trong đó Việt Nam xuất khẩu sang Nhật Bản 24,2 tỷ USD và nhập khẩu từ Nhật Bản 23,4 tỷ USD<sup>16</sup>. Nhật Bản là đối tác thương mại lớn thứ 4, là đối tác xuất khẩu lớn thứ 3 và là đối tác nhập khẩu lớn thứ 3 của Việt Nam.

Các thỏa thuận hợp tác như CPTPP và RCEP đã đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quan hệ thương mại giữa hai nước, đặc biệt sau ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 vào năm 2020. Báo cáo khảo sát năm 2022 của Tổ chức xúc tiến thương mại Nhật Bản (JETRO) cho thấy 60% doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam có kế hoạch mở rộng hoạt động kinh doanh trong vòng 2 năm tới. Việc nhiều doanh nghiệp Nhật Bản có kế hoạch mở mới, mở thêm nhà máy sản xuất tại Việt Nam sẽ là động lực quan trọng thúc đẩy trao đổi thương mại giữa hai bên mạnh mẽ hơn nữa trong thời gian tới<sup>17</sup>.

#### *Thứ hai, về viện trợ phát triển chính thức (ODA)*

Nguồn vốn ODA của Nhật Bản dành cho Việt Nam thông qua JICA và các tổ chức quốc tế khác, chủ yếu tập trung vào vốn vay, viện trợ không hoàn lại và hợp tác kỹ thuật. Các lĩnh vực chính nhận được hỗ trợ bao gồm cơ sở hạ tầng, giao thông vận tải, nông nghiệp, giáo dục, sức khỏe, và bảo vệ môi trường. Từ năm 2017, ODA của Nhật Bản cho Việt Nam giảm do Việt Nam đã đạt thu nhập trung bình và chính sách ODA của Nhật Bản chuyển dần sang lĩnh vực an ninh - quốc phòng. Theo số liệu của Bộ Ngoại giao Việt Nam, tính lũy kế đến đầu năm 2020, Nhật Bản đã viện trợ cho Việt Nam 27.800 triệu USD, trong đó vốn vay là 26.000 triệu USD và vốn viện trợ

không hoàn lại là 1.800 triệu USD, chiếm trên 30% tổng nguồn vốn ODA các nước cam kết dành cho Việt Nam<sup>18</sup>.

#### *Thứ ba, về hợp tác đầu tư*

Bên cạnh đó, trong hợp tác đầu tư nguồn vốn FDI từ Nhật Bản vào Việt Nam trong giai đoạn này có nhiều sự biến động.

Trong giai đoạn này, đầu tư ngoại trực tiếp (FDI) từ Nhật Bản vào Việt Nam đã trải qua nhiều biến động. Năm 2014 và 2015, FDI từ Nhật Bản giảm đột ngột, chủ yếu do nhu cầu tái thiết đất nước và chính sách khuyến khích đầu tư trong nước của Chính phủ Nhật Bản. Việt Nam cũng đối mặt với các hạn chế như chính sách không đồng bộ, thủ tục hành chính phức tạp, và hạ tầng kém chất lượng, tạo ra rào cản cho các doanh nghiệp Nhật Bản.

Từ năm 2016 đến 2018, FDI từ Nhật Bản vào Việt Nam tăng trở lại, đặc biệt nổi bật trong năm 2017 và 2018, khi Nhật Bản trở thành quốc gia đầu tiên về vốn đầu tư. Những khó khăn trước đó đã được vượt qua, và các doanh nghiệp Nhật Bản chuyển đầu tư từ Trung Quốc và Hàn Quốc sang Việt Nam, đặc biệt là trong lĩnh vực nhiệt điện và bất động sản.

Trong giai đoạn 2019 - 2021, mặc dù bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19, FDI từ Nhật Bản vẫn tiếp tục vào Việt Nam. Những dự án lớn như nhà máy nhiệt điện Ô Môn II và nhà máy sản xuất giấy Kraft Vina đã đóng góp vào sự tăng trưởng. Nhật Bản giữ vị trí quan trọng với hàng nghìn dự án FDI hiện diện ở hầu hết các tỉnh thành của Việt Nam, tập trung chủ yếu trong lĩnh vực công nghiệp chế biến và sản xuất điện.

<sup>16</sup> Lan Ngọc (2023), “Triển Vọng Quan Hệ Thương Mại Việt Nam - Nhật Bản”, Tạp chí *Kinh tế Việt Nam*, accessed December 26, 2023, <https://vneconomy.vn/trien-vong-quan-he-thuong-mai-viet-nam-nhat-ban.htm>.

<sup>17</sup> Lan Ngọc (2023), “Triển Vọng Quan Hệ Thương Mại Việt Nam - Nhật Bản”, Tạp chí *Kinh tế Việt Nam*, accessed December 26, 2023, <https://vneconomy.vn/trien-vong-quan-he-thuong-mai-viet-nam-nhat-ban.htm>.

<sup>18</sup> Nguyễn Văn Tuấn, “Nhìn Lại 20 Năm Quan Hệ Việt Nam - Nhật Bản (2002-2022)”, Tạp chí *Viện Nghiên Cứu Đông Bắc Á*, số 6 (2022): 256.



Tiếp đó, Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (Vốn FDI) thực hiện tại Việt Nam năm 2022 ước đạt gần 22,4 tỷ USD, tăng 13,5% so với năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất trong 5 năm qua<sup>19</sup>.

Ngược lại, hoạt động FDI từ Việt Nam vào Nhật Bản còn hạn chế về cả số dự án và vốn đầu tư. Mặc dù có sự gia tăng của doanh nghiệp Việt Nam vào Nhật Bản song vẫn là rất thấp so với FDI từ Nhật Bản vào Việt Nam.

### 3. Quan hệ trên lĩnh vực văn hoá

#### 3.1. Giai đoạn 1973 - 1992

Việt Nam vốn là một nước yêu thích thơ ca và tiểu thuyết nên nền văn học đã trở thành tiền đề cho việc trao đổi văn hóa giữa Nhật Bản và Việt Nam<sup>20</sup>. Về trao đổi học thuật, đã có rất nhiều học giả và sinh viên người Nhật đã học tiếng Việt và qua Việt Nam nghiên cứu (khi đó Việt Nam được coi là một đối tượng nghiên cứu đặc biệt). Đồng thời, Bộ Giáo dục Nhật Bản cũng cấp khá nhiều học bổng cho nghiên cứu sinh Việt Nam qua Nhật Bản học tập<sup>21</sup>. Từ đây, một số trường đại học ở hai nước cũng bắt đầu mở lớp tiếng Việt và tiếng Nhật để phục vụ nhu cầu nghiên cứu đang gia tăng mạnh mẽ.

Trong khoảng cuối giai đoạn này, truyện tranh Nhật Bản cũng dần trở nên nổi tiếng ở Việt Nam, trong đó phải kể đến bộ truyện tranh được đông đảo bạn đọc đón nhận, bộ truyện Doraemon của tác giả Fujiko Fujio. Đây là bộ truyện tranh Nhật Bản đầu tiên được Nhà xuất bản Kim Đồng chọn phát hành.

#### 3.2. Giai đoạn 1993 - 2000

Việt Nam và Nhật Bản đã hợp tác chặt chẽ thông qua nhiều hoạt động giao lưu và trao đổi, đóng góp vào sự hiểu biết sâu rộng và tình hữu nghị giữa hai quốc gia. Có thể kể tên một số dự án viện trợ văn hóa không hoàn lại tiêu biểu như: Năm 1992, viện trợ thiết bị bảo quản tư liệu cho Viện Hán Nôm; Năm 1993, mua sắm thiết bị dạy tiếng Nhật trị giá 45,1 triệu yên cho trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội (nay đổi tên thành Đại học Hà Nội); Năm 1996, cung cấp 500 triệu yên cho Nhạc viện Hà Nội và 450 triệu yên cho Nhạc viện thành phố Hồ Chí Minh trong dự án phát triển lĩnh vực âm nhạc<sup>22</sup>; dự án xây dựng và nâng cấp cơ sở vật chất cho 195 trường tiểu học trong khu vực chịu nhiều thiệt hại do bão, diễn ra từ 1994 đến 2001, Nhật Bản đã đóng góp đáng kể vào việc nâng cao chất lượng giáo dục ở cấp độ cơ bản, đặc biệt là ở những khu vực có điều kiện khó khăn. Dự án nâng cấp cơ sở vật chất cho Khoa Nông nghiệp của trường Đại học Cần Thơ, diễn ra từ 1993 đến 1995, đặt trọng điểm vào việc phát triển năng lực và cơ sở vật chất cho ngành nông nghiệp, một lĩnh vực quan trọng của Việt Nam. Dự án nâng cao chất lượng giáo dục trong lĩnh vực môi trường tại các ngành khoa học nông nghiệp của trường Đại học Cần Thơ (năm 1999) đã đóng góp vào sự phát triển bền vững của lĩnh vực này. Nhiều đoàn nghệ thuật của hai nước đã giao lưu, biểu diễn: Trong giai đoạn từ 1991 đến 1993, nhiều đoàn nghệ sĩ hiện đại và truyền thống của Nhật Bản đã đến Việt Nam (đoàn ca múa hiện đại, đoàn trình diễn các bộ môn văn hóa truyền thống như cắm hoa và thả

<sup>19</sup> Việt Anh (2023), “Vốn FDI của Nhật Bản hiện diện ở 57/63 địa phương”, Tạp chí điện tử Thương gia, <https://thuonggiaonline.vn/post-54772.html>.

<sup>20</sup> Ho Hoang Hoa (2013), “ベトナムにおける日本研究,” *JAPANESE STUDIES AROUND THE WORLD* Volume 2013 (2013): 39-42.

<sup>21</sup> Shiraiishi, *Japanese Relations with Vietnam, 1951 - 1987*.

<sup>22</sup> Ngô Hương Lan (2012), “Quan Hệ Văn Hóa Việt Nam - Nhật Bản Giai Đoạn Từ 1993 Đến Nay - Trung Tâm Nghiên Cứu Nhật Bản”, Trung tâm Nghiên cứu Nhật Bản, 2012, <https://cjs.inas.gov.vn/index.php?newsid=623>.

điều). Đặc biệt, Việt Nam và Nhật Bản còn hợp tác giới thiệu nghệ thuật múa rối nước cổ truyền, một phần quan trọng của di sản văn hóa giữa hai quốc gia<sup>23</sup>. Đồng thời, hợp tác giữa các nhà xuất bản truyện tranh như Doshinsha và Kim Đồng giới thiệu bộ truyện tranh manga nổi tiếng “Doraemon” đã làm phong phú thêm nguồn tư liệu giải trí văn hóa giữa hai quốc gia; Năm 1995, đoàn chèo Thái Bình đã sang biểu diễn tại Nhật Bản, đồng thời tổ chức Hội thảo khoa học về chèo tại đất nước mặt trời mọc<sup>24</sup>. Công ty may Ngân An cũng tham gia Triển lãm hàng thủ công châu Á tại Nhật Bản vào năm 1998, góp phần quảng bá hình ảnh và sản phẩm văn hóa truyền thống của Việt Nam. Những hoạt động này không chỉ giúp tạo cầu nối văn hóa giữa Việt Nam và Nhật Bản mà còn góp phần quan trọng trong việc duy trì và phát triển nghệ thuật truyền thống, làm phong phú thêm bản sắc văn hóa của cả hai cộng đồng, hai quốc gia. Đồng thời, môi trường giao lưu và học hỏi giữa các nhà nghiên cứu và nghệ sĩ hai nước đã mở ra những khả năng hợp tác sáng tạo và cống hiến cho sự phát triển chung. Từ năm 2000 trở đi, Festival Văn hóa - Du lịch Việt Nam được tổ chức tại nhiều thành phố của Nhật Bản, là cơ hội để cộng đồng hai quốc gia gặp gỡ và trao đổi văn hóa<sup>25</sup>. Những hoạt động này không chỉ thúc đẩy sự hiểu biết và tình cảm hữu nghị giữa hai dân tộc mà còn góp phần quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới. Hợp tác trong lĩnh vực văn hóa và nghệ thuật càng mở rộng không gian để hai quốc gia trao đổi kinh nghiệm, học hỏi và cùng nhau phát triển, thể hiện mối quan hệ đặc biệt và lâu dài giữa Việt Nam và Nhật Bản.

### 3.3. Giai đoạn 2001 - 2014

Từ năm 2001 trở đi, hình ảnh một đất

nước Nhật Bản thân thiện ngày càng in sâu trong tâm trí của người dân Việt Nam thông qua các tác phẩm truyện tranh manga, phim hoạt hình anime hay các cuộc giao lưu văn hóa giữa hai nước. Trong thời gian này, các tác phẩm manga và anime vẫn tiếp tục được giới trẻ Việt Nam đón nhận nồng nhiệt với một loạt các manga tên tuổi. Nhiều phim Nhật Bản được phát trên sóng truyền hình Việt Nam. Phim, truyện tranh phản ánh đời sống đương đại của Nhật Bản, có đề tài đa dạng, từ phim tâm lý xã hội đến hình sự, hài hước vui nhộn hay thậm chí là chinh phục thiên nhiên. Phim Nhật Bản đã mang đến một làn gió mới tới khán giả Việt Nam.

Hợp tác giáo dục, đào tạo trong giai đoạn này cũng phát triển mạnh. Trường Đại học Việt - Nhật thuộc Đại học quốc gia Hà Nội, như là một trong những biểu tượng cho quan hệ tốt đẹp giữa hai nước Việt Nam - Nhật Bản được thành lập tháng 7 năm 2014. Trường Đại học Việt - Nhật là trường công của Việt Nam song Hiệu trưởng nhà trường từ khi mới thành lập đến nay lại do một giáo sư người Nhật Bản đảm nhiệm, giáo sư Furuta Motoo. Ông nguyên là phó giám đốc Trường Đại học Tokyo, là người thầy của rất nhiều Nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên Việt Nam sang theo học tại Nhật Bản.

Trong giai đoạn 2001-2014, hai nước tổ chức nhiều hoạt động kỷ niệm quan hệ ngoại giao. Năm 2008 là năm chào mừng kỷ niệm 35 năm Quan hệ Ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản với sự kiện tiêu biểu là “Diễn đàn giao lưu văn hóa Nhật - Việt”, và đến năm 2013 là kỷ niệm 40 năm với “Liên hoan hữu nghị nhân dân Việt Nam - Nhật Bản 2013” được tổ chức với nhiều hội thảo, hội nghị quan trọng.

<sup>23</sup> Ngô Hương Lan, sdd.

<sup>24</sup> Ngô Hương Lan, sdd.

<sup>25</sup> Ngô Hương Lan, sdd.



### 3.4. Giai đoạn 2015 - 2023

Trong suốt thời gian từ năm 2015 đến nay, rất nhiều các Lễ hội giao lưu văn hóa ẩm thực giữa Việt Nam và Nhật Bản đã được tổ chức tại nhiều địa danh khác nhau ở cả hai nước.

Đặc biệt, chương trình giao lưu JENESYS do Chính phủ Nhật Bản thực hiện được tổ chức vào hàng năm nhằm nâng cao giao lưu và hiểu biết giữa Nhật Bản và các nước Đông Nam Á, trong đó có cả Việt Nam. Thông qua các hoạt động như trao đổi sinh viên, đối thoại thanh niên, và các sự kiện văn hóa, JENESYS đã tạo cơ hội cho thanh niên Việt Nam tham gia vào các chương trình học tập, trải nghiệm văn hóa, và đối thoại với thanh niên Nhật Bản. Chương trình JENESYS không chỉ tập trung vào lĩnh vực giáo dục, mà còn mở rộng sang văn hóa, nghệ thuật, và doanh nghiệp. Các sự kiện văn hóa như triển lãm và buổi biểu diễn nghệ thuật đã thúc đẩy sự hiểu biết và tình bạn giữa Việt Nam và Nhật Bản.

Các hoạt động giao lưu văn hóa giữa hai nước ngày càng được tổ chức với quy mô lớn hơn, đa dạng hơn và có nhiều ý nghĩa hơn khi các hoạt động giao lưu văn hóa giữa hai nước đã ngày càng đi vào chiều sâu, chú trọng đến việc giới thiệu những nét văn hóa đặc sắc của từng quốc gia.

### 4. Kết luận

Trong 50 năm qua (1973 - 2023), mối quan hệ giữa Việt Nam và Nhật Bản đã phát triển tích cực và đa chiều. Quan hệ chính trị phát triển thể hiện qua các chuyến thăm hữu nghị giữa các nhân vật giữ trọng trách của cả hai nước, mức độ thân thiết liên tục được xác định trên những tầm cao mới. Trong quan hệ kinh tế, nhìn theo chiều dài cho thấy đó là quan hệ liên tục phát triển trên các mặt thương mại, viện trợ và đầu tư. Quan hệ trên lĩnh vực văn

hóa vừa khẳng định mối quan hệ phát triển bền vững đồng thời là cơ sở hỗ trợ cho sự phát triển quan hệ của hai lĩnh vực chính trị và kinh tế. Với cách nhận thức đúng của cả hai bên về lợi ích khách quan tương đồng chắc chắn rằng quan hệ Việt Nam - Nhật Bản sẽ tiếp tục phát triển.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Andrea Pressello (2014), "The Fukuda Doctrine and Japan's Role in Shaping Post-Vietnam War Southeast Asia", *Japanese Studies* 34, no. 1 (2014): 37 - 59. <https://doi.org/10.1080/10371397.2014.886506>.
2. Andrea Pressello, *Japan and the sharing of post - Vietnam war Southeast Asia. Japanese diplomacy and the Cambodian conflict, 1978 - 1983*. Taylor & Francis Ltd. Publishing House.
3. Hồ Việt Hạnh (1999), *Những yếu tố chủ yếu dẫn đến bình thường hóa quan hệ Nhật Bản - Việt Nam năm 1973*, trong cuốn: 25 năm quan hệ Việt Nam-Nhật Bản 1973-1998, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Ho Hoang Hoa (2013), "ベトナムにおける日本研究." *JAPANESE STUDIES AROUND THE WORLD* Volume 2013 (2013).
5. Nguyễn Quốc Hùng (2003), "Quan Hệ Việt Nam - Nhật Bản Trong Bối Cảnh Quốc Tế Sau Chiến Tranh Lạnh", Tạp chí *Khoa học ĐHQGHN, KHXH & NV* XIX, No. 4 (2003).
6. Ngô Hương Lan (2012), "Quan Hệ Văn Hóa Việt Nam - Nhật Bản Giai Đoạn Từ 1993 Đến Nay - Trung Tâm Nghiên Cứu Nhật Bản", Trung tâm Nghiên cứu Nhật Bản, <https://cjs.inas.gov.vn/index.php?newsid=623>.
7. Ministry of Foreign Affairs of Japan (2016), "Country Assistance Evaluation of Vietnam".